

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ CÁCH THỂ HIỆN GIÁN TIẾP CÁC HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ CỦA TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU (NGUYỄN DU) VÀ TÁC PHẨM KIM VÂN KIỀU TRUYỆN (THANH TÂM TÀI NHÂN)

Dương Thị Thúy Vinh

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Truyện Kiều là một tác phẩm kiệt xuất của đại thi hào Nguyễn Du. Nó đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu cả ở trong nước và ngoài nước. Để làm sáng tỏ những giá trị nghệ thuật riêng của tác phẩm *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) trong việc sử dụng hành động ngôn ngữ gián tiếp, tác giả tiến hành phân tích văn bản hai tác phẩm, trên cơ sở đó, đối chiếu, so sánh tác phẩm *Truyện Kiều* với *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm tài nhân) qua bản dịch của Nguyễn Đức Vân, Nguyễn Khắc Hanh (do Nguyễn Đăng Na hiệu đính). Qua quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy, bên cạnh điểm tương đồng do khung truyện của hai tác phẩm này về mặt cơ bản là giống nhau thì điểm khác biệt trong cách sử dụng gián tiếp các hành động ngôn ngữ là chủ yếu. Đó là sự khác biệt về hình thức thể hiện và về vai trò trong việc bộc lộ thái độ, tình cảm của tác giả và tính cách, phẩm chất của các nhân vật. Như vậy, cách sử dụng gián tiếp các hành động ngôn ngữ đã góp phần giúp *Truyện Kiều* có được những giá trị đặc sắc hơn hẳn so với nguyên tác, trở thành một kiệt tác không chỉ của Việt Nam mà còn là của cả nhân loại.

Từ khóa: Ngôn ngữ; phát ngôn; hành động ngôn ngữ gián tiếp; *Truyện Kiều*; *Kim Vân Kiều truyện*.

Ngày nhận bài: 15/6/2020; Ngày hoàn thiện: 29/6/2020; Ngày đăng: 30/6/2020

A FEW COMMENTS ABOUT THE USE OF INDIRECT SPEECH ACTS IN *THE TALE OF KIEU* (NGUYEN DU) AND *THE TALE OF KIM VAN KIEU* (THANH TAM TAI NHAN)

Duong Thi Thuy Vinh

TNU - University of Education

ABSTRACT

The tale of Kieu is an outstanding work of the great poet Nguyen Du. It has attracted the attention of many researchers both domestic and abroad. To shed light on *The Tale of Kieu* (Nguyen Du)'s own artistic values in the use of indirect speech acts, we analyzed the texts of the two works, basing on that, we compared the work of *The Tale of Kieu* with *The tale of Kim Van Kieu* (Thanh Tam Tai Nhan) through the translation version of Nguyen Duc Van and Nguyen Khac Hanh (edited by Nguyen Dang Na). Through the research process, we found that, beside the similarities because the story frames of these two works are basically the same, the differences are mainly in usage of the indirect speech acts. It is the differences in the form of expression and the role in revealing the attitude, affection of the author and the personality and qualities of the characters. Thus, the indirect use of speech acts has contributed to *The tale of Kieu* to have a much more unique value than the original, becoming a masterpiece not only for Vietnam but also for humanity.

Keywords: Language; utterance; indirect speech act; *the tale of Kieu*; *the tale of Kim Van Kieu*.

Received: 15/6/2020; Revised: 29/6/2020; Published: 30/6/2020

Email: vinhdt@tnue.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, hành động ngôn ngữ (hay hành vi ngôn ngữ, hành động nói, hành động ngôn từ) là một loại hành động của con người và được người nói hay người viết thực hiện bằng ngôn ngữ khi phát ra một lời nói, một câu văn. Các hành động ngôn ngữ thường được phân biệt theo một số loại khác nhau. Nhà ngôn ngữ học J.R. Searle đã phân biệt thành năm nhóm lớn: trình bày, điều khiển, cam kết, biểu cảm và tuyên bố [1, tr. 238-259]. Mặt khác, theo cách thức thực hiện, các hành động ngôn ngữ (HĐNN) còn được các nhà ngôn ngữ học phân biệt thành HĐNN trực tiếp và HĐNN gián tiếp. Trong HĐNN trực tiếp có sự thống nhất giữa hình thức và chức năng còn ở HĐNN gián tiếp thì không có sự thống nhất như vậy mà đó là cách dùng hình thức của HĐNN này để thực hiện chức năng của HĐNN khác.

Về đơn vị câu, người ta có thể nghiên cứu trên nhiều phương diện. Và ở phương diện sử dụng, mỗi câu cụ thể gắn với hoàn cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp,... được gọi là phát ngôn (PN). Nói cách khác, phát ngôn chính là câu trong hoạt động giao tiếp [2, tr. 111]. Vì thế, muốn tìm hiểu câu ở phương diện sử dụng thì phải nắm được phương diện cấu tạo ngữ pháp của câu. Khi khảo sát về HĐNN, tác giả coi tác phẩm là sản phẩm của một hoạt động giao tiếp và mỗi câu là một PN. Tác giả dựa vào dấu hiệu hình thức để chia tác phẩm ra thành các PN (căn cứ vào dấu kết thúc câu là dấu chấm, chấm than, dấu hỏi). Đó là PN trần thuật, PN nghi vấn, PN cầu khiến và PN cảm thán. Tùy thuộc vào đích ở lời, trạng thái tâm lý và nội dung mệnh đề, mỗi loại PN có thể thực hiện nhiều HĐNN khác nhau [2, tr. 221-222].

Truyện Kiều từ lâu đã được biết đến với tư cách là một kiệt tác của văn học Việt Nam. Các giá trị về nội dung và nghệ thuật của *Truyện Kiều* đã được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm khai thác. Trong bài viết này, tác giả muốn bàn thêm về giá trị của tác phẩm trên cơ sở đối chiếu, so sánh với tác phẩm

Kim Vân Kiều truyện (Thanh Tâm Tài nhân) - bản nguyên tác - về cách thể hiện gián tiếp các hành động ngôn ngữ. Tất cả những nhận định, đánh giá, nhận xét của tác giả đều dựa trên những tư liệu thu được từ tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, theo bản khảo đính của Đào Duy Anh (1974) trong *Từ điển Truyện Kiều*, NXB Khoa học, Hà Nội.

Vậy, so với nguyên tác, *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) có những điểm tương đồng, khác biệt nào về cách thể hiện gián tiếp các hành động ngôn ngữ? Đó là câu hỏi mà người viết muốn tìm ra câu trả lời qua nghiên cứu này.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp sau:

2.1. Phương pháp miêu tả

Phương pháp này được sử dụng để phân tích mục đích phát ngôn và hành động ngôn ngữ mà nó thực hiện.

Trong phương pháp này, tác giả cũng sử dụng những thủ pháp sau:

- *Thủ pháp thống kê, phân loại*: Thủ pháp này được sử dụng để thống kê, phân loại các hành động ngôn ngữ trong hai tác phẩm đã được đề cập đến. Nguồn tư liệu thống kê là tác phẩm *Truyện Kiều* của tác giả Nguyễn Du trong cuốn tài liệu [3] và tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* của tác giả Thanh Tâm Tài nhân [4].

- *Thủ pháp phân tích ngữ cảnh*: Thủ pháp này được sử dụng để xem xét các hành động ngôn ngữ trong mối quan hệ với tác giả, với các chủ thể phát ngôn, với các yếu tố thuộc về ngữ cảnh để làm cơ sở nhận biết và phân biệt HĐNN trực tiếp, gián tiếp.

2.2. Phương pháp so sánh nội bộ ngôn ngữ

Nội dung của phương pháp này là so sánh, phân biệt các HĐNN gián tiếp trong cùng một nhóm.

2.3. Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Phương pháp này vận dụng những kiến thức liên ngành của ngôn ngữ học, văn hóa học, tâm lý học,... để tìm hiểu, lý giải về những điểm tương đồng và khác biệt về cách sử dụng gián tiếp các HĐNN giữa hai tác phẩm.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Khái quát về hành động ngôn ngữ gián tiếp trong *Truyện Kiều* và *Kim Vân Kiều truyện*

Truyện Kiều gồm 1713 PN, trong đó có 1008 PN thực hiện hành động ngôn ngữ trực tiếp, còn lại là 705 PN thực hiện các HDNN khác, chiếm khoảng 41,2%. *Kim Vân Kiều truyện* gồm 4966 PN, trong đó chỉ có 475 PN được dùng gián tiếp, chiếm khoảng 9,5%.

3.2. Những điểm giống nhau về cách thể hiện gián tiếp của các hành động ngôn ngữ

3.2.1. Về hình thức thể hiện

Để có cái nhìn toàn diện về hành động ngôn ngữ gián tiếp trong hai tác phẩm, tác giả đã thống kê các HDNN gián tiếp ở hai tác phẩm và phân loại theo phát ngôn. Điều này được thể hiện cụ thể ở bảng 1.

Bảng 1. Phân loại PN thể hiện HDNN GT trong hai tác phẩm

Số lượng HDGT	Kiểu PN	PN trần thuật	PN nghi vấn	PN cầu khiến	PN cảm thán	Tổng số
<i>Kim Vân Kiều truyện</i>		116	359	0	0	475
<i>Truyện Kiều</i>		340	320	5	40	705

Trên cơ sở phân loại trên, tác giả tìm các HDNN gián tiếp thông qua hai PN có số lượng sử dụng nhiều nhất trong hai tác phẩm là PN trần thuật và PN nghi vấn. Số liệu được thể hiện ở bảng 2 và bảng 3.

Bảng 2. Phân loại HDNN GT qua PN trần thuật trong hai tác phẩm

HDNN GT qua PN trần thuật	Khẳng định	Nghi vấn	Cầu khiến	Cảm thán	Phỏng đoán	Tuyên bố
<i>Kim Vân Kiều truyện</i> Số lượng (116)	1	1	40	74	0	0
<i>Truyện Kiều</i> Số lượng (340)	5	3	117	194	3	18

Bảng 3. Phân loại HDNN GT qua PN nghi vấn trong hai tác phẩm

HDNN GT qua PN nghi vấn	Khẳng định	Phủ định	Cầu khiến	Cảm thán	Bản khoản – Phỏng đoán	Chào
<i>Kim Vân Kiều truyện</i> Số lượng (359)	99	89	37	87	45	2
<i>Truyện Kiều</i> Số lượng (320)	78	90	22	78	52	0

Qua số liệu thống kê, điểm giống nhau dễ dàng nhận thấy nhất đó là hai tác phẩm đều sử dụng nhiều PN nghi vấn và trần thuật để thể hiện gián tiếp các HDNN. Khi sử dụng, các PN trần thuật chủ yếu hướng đến đích cầu khiến và cảm thán còn PN nghi vấn chủ yếu hướng tới đích khẳng định, phủ định hoặc cảm thán [5].

Nhiều hành động của các nhân vật ở hai tác phẩm cũng có sự trùng nhau cả về dấu hiệu hình thức của PN, cả về đích của hành động.

Ví dụ 1: Khi 3 chị em Thúy Kiều đứng trước mộ Đạm Tiên, Vương Quan có sử dụng PN gián tiếp và 2 PN này ở 2 tác phẩm đều có đích là phủ định (thuộc hành động trình bày):

- Là nắm mồ cô đơn vô chủ thì có ai lui tới viếng thăm? [4, tr. 13]

- Trái bao thổ lặn ác tà,

Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm! (79-80) [3, tr. 455].

Lý giải cho điều này, chúng ta thấy thứ nhất, *Truyện Kiều* vốn là sáng tác dựa trên đề tài của *Kim Vân Kiều truyện*. Khung truyện của hai tác phẩm này về mặt cơ bản là giống nhau. Hai tác phẩm đều lấy vận mệnh Vương Thúy Kiều làm trọng tâm để triển khai, thuật lại những gian khổ đau thương mà nàng phải chịu đựng, khiến cho số phận long đong chìm nổi của nàng trở thành sợi dây xuyên suốt câu chuyện. Có thể thấy hai tác phẩm tương đồng về nội dung truyện, đặc biệt là rất trùng khớp về cả sự kiện, thời gian, địa điểm. Khi dựa vào nội dung tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* như vậy, về cơ bản Nguyễn Du đã sử dụng lại hình thức ngữ pháp và hiệu lực ở lời của các PN mà Thanh Tâm Tài nhân đã xây dựng. Hai tác giả Zhao Yanqiu 赵炎秋, Song Yaling 宋亚玲 trong [6] cũng đã khẳng định: “Nguyễn bản (“Kim Vân Kiều truyện” của

Nguyễn Du) vốn là sáng tác dựa trên đề tài của Thanh bản (“Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân), vậy nên quan hệ kế thừa là không phải bàn cãi. Đương nhiên quan hệ kế thừa này được đưa ra trên cơ sở nguyên tác sáng tác và tư tưởng sáng tác tương đồng, như vậy điều khiến chúng ta thấy được ở đây không chỉ là sự kế thừa về mặt chấp nhận quan điểm sáng tác, hoặc một sự giống nhau nào đó”.

Thứ hai, PN hỏi và PN trần thuật là 2 kiểu PN đều có khả năng hướng đến nhiều đích khác nhau khi giao tiếp. Vì thế, khi sử dụng 2 kiểu PN này, các tác giả có thể bộc lộ được nhiều hơn thái độ, tâm trạng của bản thân và của nhân vật.

3.2.2. Về vai trò của các HDNN GT

Những PN được dùng gián tiếp trong hai tác phẩm là một trong những phương tiện quan trọng giúp người đọc hiểu rõ được về tính cách, thái độ, tình cảm của các nhân vật. Khi xem xét theo chủ thể PN, tác giả thống kê các nhân vật ở hai tác phẩm và tính số PN được sử dụng gián tiếp. Số liệu được thể hiện cụ thể ở bảng 4:

Bảng 4. Phân loại HDNN GT theo chủ thể phát ngôn trong hai tác phẩm

STT	Tác giả/ Nhân vật	Tổng số PN	
		Kim Vân Kiều truyện	Truyện Kiều
1	Tác giả	3	141
2	Thúy Kiều	261	280
3	Kim Trọng	40	65
4	Thúc Sinh	29	37
5	Từ Hải	19	21
6	Sở Khanh	12	9
7	Hoạn Thư	9	30
8	Tú Bà	25	18
9	Thúy Vân	8	8
10	Đạm Tiên	4	8
11	Vương ông	11	19
12	Vương bà	8	2
13	Vương Quan	2	5
14	Mã Quy	3	6
15	Giác Duyên	7	8
16	Chung Sự	7	
17	Mã Kiều	2	4
18	Độc phủ	9	5
19	Dương Bình mã	1	

STT	Tác giả/ Nhân vật	Tổng số PN	
		Kim Vân Kiều truyện	Truyện Kiều
20	Người địa phương	1	
21	Bộ Tân	1	
22	Tri phủ	3	
23	Thúc Chính	2	9
24	Lão bộc	1	
25	Ứng Khuyển	1	
26	Bọn thị nữ	2	
27	Hoạn bà	2	4
28	Bạc Hạnh	1	0
29	La Trung Quân	3	
30	Cửu Nhiêu	1	
31	Hoa Nhân	1	
32	Tuyết Nghĩa, Dụ Ân	1	
33	Lợi Sinh	5	
34	Bạc Bà	0	9

Theo bảng số liệu trên, hai tác phẩm đã có 34 nhân vật xuất hiện. Trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung tìm hiểu một số nhân vật chính.

Đầu tiên, với nhân vật Thúy Kiều, để làm nổi bật thể giới nội tâm vô cùng phức tạp của nàng Kiều, tác giả đã sử dụng nhiều PN GT trong ngôn ngữ độc thoại, đối thoại của nhân vật.

Kết quả khảo sát cho thấy: Thúy Kiều là nhân vật sử dụng gián tiếp các PN nhiều nhất trong cả hai tác phẩm: Trong *Truyện Kiều* là 280 PN còn trong *Kim Vân Kiều truyện* là 261 PN. Và đây chủ yếu là các phát ngôn hỏi được sử dụng gián tiếp. Những PN này nhằm hướng tới những mục đích khác nhau như: khẳng định, phủ định, kết tội, khuyên nhủ, thuyết phục, bộc lộ tình cảm, cảm xúc cũng như tâm trạng bồn chồn, lo lắng, buồn thảm, đau đớn, xót xa, uất hận...

Bằng những PN hỏi và trần thuật thể hiện mục đích khác nhau từ chính nhân vật, các tác giả đã thành công trong việc miêu tả tính cách của Thúy Kiều. Đó là một nhân vật rất sâu sắc, biết nghĩ trước nghĩ sau, luôn tôn trọng người giao tiếp cùng nên mỗi lời nói của nhân vật luôn nhẹ nhàng, tinh tế, đầy hàm ý.

Kim Trọng cũng là nhân vật mà hai tác giả dành nhiều tình cảm để xây dựng. Đây là một nhân vật chính diện có tính cách hào hoa, nho nhã, là người có tâm hồn lãng mạn và giàu tình cảm. Trong *Truyện Kiều*, Kim Trọng có 40 PN

được sử dụng gián tiếp còn trong *Kim Vân Kiều truyện* là 65 PN. Trong đó, tiêu biểu nhất là hai kiểu hành động: hỏi, trần thuật để bày tỏ tình yêu, để bộc lộ thái độ thương cảm, xót xa và để động viên, khuyên nhủ, thuyết phục,...

Qua việc sử dụng những PN GT, các tác giả đã xây dựng Kim Trọng trở thành một mẫu người lí tưởng trong lòng người đọc bởi sự thủy chung trong tình yêu, bởi sự nhã nhặn, khiêm tốn và tấm lòng bao dung, độ lượng.

Ngoài hai nhân vật trên, các nhân vật khác cũng đã để lại được dấu ấn trong lòng người đọc một phần nhờ vào việc sử dụng PN GT thật tài tình, “đắc địa” của hai tác giả.

3.3. Những điểm khác nhau về cách thể hiện gián tiếp các hành động ngôn ngữ

3.3.1. Về hình thức thể hiện

Dựa vào số liệu thống kê được trong bảng 1, có thể thấy, trước hết, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã khai thác rất linh hoạt và sử dụng có hiệu quả cả bốn kiểu PN còn trong *Kim Vân Kiều truyện*, PN trần thuật và PN nghi vấn (hỏi) được dùng để biểu thị các hành động GT, PN cầu khiến và cảm thán chỉ biểu thị đích cầu khiến và cảm thán, không được dùng gián tiếp. Thứ hai, khi sử dụng PN trần thuật, Nguyễn Du đã cho nhân vật gián tiếp tuyên bố một điều gì đó. Chính điều này làm cho PN có thêm lớp nghĩa hàm ẩn và coi đó như một luận điểm để đạt được đích giao tiếp (xem bảng 2). Thứ ba, khi sử dụng PN hỏi, Thanh Tâm Tài nhân thường cho nhân vật của mình lập luận theo hướng khẳng định còn Nguyễn Du chủ yếu cho lập luận theo hướng phủ định để gián tiếp đưa ra lời khuyên nhủ, thuyết phục hay hứa hẹn (xem bảng 3, ví dụ 2, 3).

Lý giải cho những sự khác biệt này, chúng ta thấy hai tác phẩm khác nhau về đặc trưng thể loại. Theo các tác giả trong [6]: “Sự chuyển biến về mặt thể loại tự nhiên sẽ dẫn đến sự thay đổi rõ rệt trên văn bản. Tiểu thuyết chương hồi bắt nguồn từ nghệ thuật thuyết thoại. Độc giả chủ yếu là tầng lớp thị dân có thời gian nhàn rỗi, cho nên yêu cầu tiểu thuyết chương hồi phải đặc biệt chú trọng thời

gian, động tác, tình tiết truyện, đặc biệt là việc phân đoạn tề chỉnh, kết cấu diễn giải rõ ràng. Do vậy, Thanh bản có thể miêu tả tường tận từng sự kiện nhỏ, và yêu cầu gắt gao về câu chuyện nhiều tình tiết khít chặt, cuốn hút. Còn thơ lục bát của Nguyễn Du là thể loại vừa có thể ngâm vịnh, lại vừa có thể kể chuyện dài dòng, lại nặng về tả cảnh. Nhưng sự hòa hợp về âm vận và sự sinh động, quán tính tư duy của thể thơ mới là công cụ đắc lực cho nghệ thuật miêu tả chi tiết, và tính trữ tình mạnh mẽ khiến ngòi bút của nhà thơ càng có chất dụng võ trên mảnh đất miêu tả ngôn ngữ và tả cảnh, có thể khiến cho tình cảm nhân vật càng trở nên dạt dào và sâu sắc”.

Như vậy, có thể thấy *Kim Vân Kiều truyện* là tiểu thuyết chương hồi nên phải đặc biệt chú trọng xây dựng tình tiết truyện. Ngôn ngữ dẫn truyện cần ngắn gọn, lời thoại cần súc tích, gay cấn, lôi cuốn, không đề cập nhiều đến tâm lý, tình cảm nên cần diễn đạt theo lối hỏi để khẳng định ngay và không khai thác được các PN cầu khiến, cảm thán GT. Nếu có tuyên bố điều gì thì nói thẳng chứ không nấp dưới hình thức của một PN khác. Còn thơ lục bát của Nguyễn Du lại là sự gắn kết giữa trữ tình và tự sự. Tình cảm nhân vật tuy rất mạnh mẽ, sâu sắc nhưng lại trầm kín nên ngôn ngữ nhân vật về cơ bản là cần thể hiện sự nhẹ nhàng, tế nhị, kín đáo. Vì thế, trong *Truyện Kiều* mới có hiện tượng dùng PN cầu khiến để bộc lộ cảm xúc hay dùng PN cảm thán để tuyên bố, khẳng định hay đe dọa, buộc tội,...

3.3.2. Về vai trò của các HĐNN GT

* Về vai trò bộc lộ thái độ của tác giả

Nếu như trong *Kim Vân Kiều truyện*, chỉ có 3 PN của tác giả được sử dụng gián tiếp thì trong *Truyện Kiều* có tới 141 PN của tác giả được dùng gián tiếp. Chính sự chênh lệch này đã cho thấy vai trò của các HĐNN GT trong việc xây dựng vị thế của tác giả trong tác phẩm (xem bảng 4).

Có thể nói, trong *Truyện Kiều*, tác giả buồn, vui, căm giận, lo lắng, băn khoăn,... theo nhân vật. Còn trong *Kim Vân Kiều truyện*, tác giả

chỉ là người đứng ngoài theo dõi câu chuyện và kể lại một cách rất tinh tế và khách quan.

* Về vai trò bộc lộ thái độ, tính cách nhân vật

So sánh hai tác phẩm, tác giả nhận thấy một số nhân vật đã có sự khác biệt. Ở đây, tác giả tập trung so sánh một số cặp nhân vật để làm rõ vai trò của các HĐNN GT.

+) Cặp nhân vật Thúy Kiều:

Trong *Kim Vân Kiều truyện*, Thúy Kiều là cô gái mạnh mẽ, quyết đoán, biết tính toán thiệt hơn. Khi phải bán mình cứu cha, nàng đã tính toán kỹ để chắc chắn rằng việc mình làm sẽ cứu được cha mà không khiến gia đình phải quá đau buồn, vì thế, Thúy Kiều dùng những PN hỏi để khẳng định, qua đó động viên, thuyết phục gia đình (cả Vương Ông, Vương bà và Vương Quan) đồng ý ký vào tờ hôn thú:

Ví dụ 2:

- Bán mình mà không được việc thì bán để làm gì? [4, tr. 55]

- Chừng ấy mẹ góa con cô, tứ cố vô thân, tiền không lương cạn, e lại chẳng lưu lạc đi làm tì thiếp cho người ta ư? [4, tr. 61]

- Em con học tập, há không có ngày nên nổi hay sao? [4, tr. 66]

Còn Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* vào lúc đó chỉ có lời thuyết phục cha chấp nhận sự thật mà không tự vẫn, trong đó có PN hỏi để phủ định:

Ví dụ 3: Về chi một mảnh hồng nhan,

Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh thành.

Dâng thư đã thẹn nàng Oanh,

Lại thua á Lý bán mình hay sao? (669-672) [3, tr. 474]

Sau đó, Thúy Kiều âm thầm đau đớn khi nghĩ về mối tình với Kim Trọng. Nàng chủ yếu dùng những PN hỏi để thể hiện sự băn khoăn, nỗi xót xa, tuyệt vọng khi phải từ bỏ mối tình đầu.

Lúc mượn thế lực của Từ Hải để trả thù, riêng cách đối xử với nhân vật Hoạn Thư, Thúy Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều* đã chọn lựa hai cách thức khác nhau. Trong *Kim Vân Kiều truyện*, Thúy Kiều đem Hoạn Thư ra đánh một trăm roi, Hoạn Thư

thoát chết nhờ Thúc Sinh quỳ gối kêu xin. Thúy Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* ân oán phân minh, có thù phải báo. Còn Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* nghe lời biện bạch của Hoạn Thư lại miễn tội tha ngay. Thúy Kiều ở *Truyện Kiều* không giống *Kim Vân Kiều truyện*, tuy báo thù, nhưng trong đó vẫn chứa đựng sự cảm thông, chia sẻ.

Xem đoạn thơ trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du tả cảnh báo oán khá nhẹ nhàng rồi đối chiếu với đoạn văn xuôi rườm rà và ghê rợn do Thanh Tâm tài nhân kể trong *Kim Vân Kiều truyện* của Trung Quốc, chúng ta thấy Thúy Kiều trong *Kim Vân Kiều truyện* thật lạnh lùng, đáng sợ và tàn ác. Có thể thấy rằng, cách sử dụng những PN GT đã giúp cho Thanh Tâm Tài nhân xây dựng được một cô Thúy Kiều mạnh mẽ, cá tính và giúp Nguyễn Du xây dựng được một nàng Thúy Kiều đậm chất, dịu dàng, tình cảm và sâu sắc.

+) Cặp nhân vật Kim Trọng:

Dù trong *Kim Vân Kiều truyện* hay *Truyện Kiều*, chàng Kim đều xuất hiện với vẻ tài hoa, phong độ, và quan trọng nhất là chàng đa tình, si tình, đối với Thúy Kiều thì tình thâm nghĩa trọng. Nhưng trong *Kim Vân Kiều truyện*, Kim Trọng khi theo đuổi tình yêu có phần chủ động hơn, như nghĩ cách tạo cơ hội gặp Thúy Kiều và Thúy Vân, sau lại tìm được “Lâm Thúy Viên” ngay cạnh nhà họ Vương. Quan niệm của Kim Trọng về tình yêu là sự kết hợp của thể xác và tâm hồn. Trong lần hẹn gặp đầu tiên, chàng đã ôm chầm lấy Thúy Kiều, rồi chủ động đòi hỏi những điều vượt khỏi lễ giáo. Vì thế, tuy cũng sử dụng nhiều PN gián tiếp nhưng chủ yếu là hỏi để khẳng định tình cảm, quyết định của mình không sai hoặc hỏi để trách móc, nghi ngờ khi không được theo ý nguyện.

Ví dụ 4: Khi Kim Trọng gặp Thúy Kiều để trả chiếc thoa:

- Nghĩ như thế thì việc nhất được thoa này há chẳng phải là một nỗi khổ tâm?

- Thế để tỏ tình thân mật, có hại gì đâu? [4, tr. 29]

Còn Kim Trọng của *Truyện Kiều* lại là đại biểu của của lễ, tiết, tình. Chàng tôn trọng lễ giáo,

tình cảm với Thúy Kiều là sự tương thức về mặt tinh thần. Vì thế, những PN của Kim Trọng thường là trần thuật, nêu những điều khách quan để động viên, thuyết phục, khuyên nhủ hoặc dùng những PN hỏi để bộc lộ tình cảm sâu sắc, bộc lộ sự cảm thông, chia sẻ,...

Nghệ thuật khai thác sử dụng hiệu quả các hành động ngôn ngữ gián tiếp của Nguyễn Du cũng được thể hiện rõ ở một số nhân vật khác như Sở Khanh, Từ Hải,... xem [7], [8].

Chỉ qua một vài ví dụ, người đọc có thể nhận ra hai truyện khác xa nhau về tài năng xây dựng tính cách, tâm lí nhân vật, nghệ thuật biểu cảm, miêu tả, tự sự... đồng thời khác xa nhau về ý nghĩa, về tính *người* trong ứng xử.

4. Kết luận

Như vậy, qua việc tìm hiểu về những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai văn bản về các hành động ngôn ngữ gián tiếp, tác giả đưa ra những kết luận sau:

4.1. Xét về diễn biến của 2 tác phẩm: từ khi Thúy Kiều gặp Kim Trọng... trải qua 15 năm lưu lạc cho đến ngày Kim - Kiều tái hợp..., cả gia đình Vương Viên ngoại hạnh phúc đề huề, Kim Trọng, Vương Quan đỗ đạt, vinh hiển v.v... thì các tình tiết, sự kiện chính là tương tự nhau. Vì thế, về cơ bản Nguyễn Du đã giữ lại những PN thể hiện HĐNN trực tiếp (tất nhiên là có cải biên phần nào cho phù hợp với đặc trưng thể loại). Ngoài ra, một số HĐNN GT cũng được Nguyễn Du giữ nguyên hình thức thể hiện và đích của hành động. Việc giữ lại như vậy đã giúp cho *Truyện Kiều* có được tính kịch, có được sự lôi cuốn, thu hút được sự quan tâm theo dõi của người đọc mà thể loại thơ khó có thể có được.

4.2. Tuy mượn cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* nhưng *Truyện Kiều* không phải là bản sao bởi sức sáng tạo kì diệu của Nguyễn Du đã biến câu chữ tầm thường trở thành một tác phẩm kiệt xuất. Nguyễn Du đã bỏ nhiều tình tiết rườm rà, dung tục và thêm vào nhiều đoạn kể chuyện, tả cảnh, tả tình ý vị khiến cho tác phẩm trở nên cân đối, hợp lí. Ngôn ngữ của tác giả và của các nhân vật cũng được cải

biên, bổ sung, thay đổi làm cho vai trò của người dẫn truyện và tính cách của từng nhân vật trong *Truyện Kiều* khác nhiều so với *Kim Vân Kiều truyện*. Và một trong những phương tiện làm nên sự thay đổi đó là các HĐNN GT. Có thể nói, các HĐNN GT giống như một chất liệu thật đặc biệt được Nguyễn Du sử dụng để “vẽ” và thổi hồn cho mỗi nhân vật làm cho mỗi nhân vật trở nên sống động, giống như đang diễn cho người đọc xem một thước phim quay chậm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. C. D. Huu, and T. M. Bui, *General Linguistics*, vol. 2. Education Publishing House, Ha Noi, 1993.
- [2]. T. M. Bui, *Vietnamese grammar textbook*. University of Education Publishing House, Ha Noi, 2008.
- [3]. A. D. Dao, *Dictionary of The tale of Kieu*. Social Sciences Publishing House, Ha Noi, 1974.
- [4]. T. T. Tai Nhan, *The tale of Kim Van Kieu*, (translated by D. V. Nguyen and K. H. Nguyen). University of Education Press, Ha Noi, 2008.
- [5]. V. T. T. Duong, “Question utterances in *The Tale of Kiều* that denote indirect speech acts,” *TNU - Journal of Science and Technology*, vol. 15, no. 5, pp. 185-191, 2013.
- [6]. Zhao Yanqiu 赵炎秋, Song Yaling 宋亚玲, “The tale of Kim Van Kieu by Nguyen Du in comparison with The tale of Kim Van Kieu by Thanh Tam Tai Nhan: inheritance and transformation,” *Institute of Philology, Hunan University, China* (Translate by Phan Thu Van), Sep 8, 2011. [Online] Available: http://khoavanhocngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=2355:kim-van-kiu-truyen-ca-nguyen-du-vi-kim-van-kiu-truyen-ca-thanh-tam-tai-nhan-k-tha-va-bin-i-&catid=121:ht-vit-nam-trung-quc-nhng-quan-h-vn-hoa-vn&Itemid=187. [Accessed May 18, 2013].
- [7]. V. T. T. Duong, “Linguistic and human actions of So Khanh in The tale of Kieu,” *Journal of Linguistics and Life*, vol. 6(212), pp. 32-35, 2013.
- [8]. V. T. T. Duong, “Looking back to Tu Hai in the light of linguistic action theory,” *Proceedings of the National Linguistics Workshop 2013: "Linguistics and Literature"*, 2013, pp. 940-944.